ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC THEO CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi thường trú	Tổ hợp điểm	Tổng điểm cộng điểm ưu tiên	Ghi chú
I	**Ngành Sư phạm Tin học - Mã ngành 7140210**							
1	Hoàng Anh Tuấn	03/10/2006	Nam	Tày	Thôn Làng Mỏ, xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn	D01 (Toán 7,80; Văn 7,50: Anh 5,20): 20,50	23,25	
2	Trần Minh Đức	25/07/2006	Nam	Tày	Thôn Minh Sơn, xã Tân Tri, huyện Bắc Sơn	D01 (Toán 6,80; Văn 6,75: Anh 6,60): 20,15	22,90	
3	Nông Thanh Bình	23/05/2006	Nam	Tày	Thôn 1, xã Tân Tiến, huyện Tràng Định	D01 (Toán 7,80; Văn 7,50: Anh 5,80): 21,10	23,85	
II	**Ngành Sư phạm Toán học - Mã ngành 7140209**							
1	Lành Minh Quân	02/11/2006	Nam	Nùng	Thôn Phiền Mậu, xã An Sơn, huyện Văn Quan	A00 (Toán 7,20; Lý 7,25; Hóa 7,25): 21,50	24,25	
2	Mông Việt Anh	17/08/2006	Nam	Nùng	Thôn Bản Miằng, xã Hội Hoan, huyện Văn Lãng	D01 (Toán 6,60; Văn 6,50; Anh 4,00): 17,01	19,76	

3	Ngô Thị Phẩm	15/03/2006	Nữ	Nùng	Thôn Đồng Bé, xã Yên Bình, huyện Hữu Lũng	D01 (Toán 7,60; Văn 8,50; Anh 4,80): 20,90	23,65	
III	**Ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học - Mã ngành 7140202**							
1	Mã Thị Thùy Linh	10/06/2006	Nữ	Tày	Thôn Còn Phiêng, xã Bính Xá, huyện Đình Lập	D01 (Văn 8,00: Toán 7,40; Anh 4,40): 19,80	22,25	
2	Vi Ngọc Ánh	24/08/2006	Nữ	Nùng	Thôn Bó Tảng, xã Minh Hiệp, huyện Lộc Bình	D01 (Văn 7,50: Toán 6,00; Anh 3,80): 17,30	20,05	
IV	**Ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên - Mã ngành 7140247**							
1	Dương Thời Việt	08/10/2006	Nam	Tày	Thôn Gia Hòa 2, xã Nhất Hòa, huyện Bắc Sơn	A00 (Toán 7,40: Lý 7,75; Hóa 6,75): 21,90	24,65	
V	**Ngành Sư phạm Ngữ văn - Mã ngành 7140217**							
1	Lương Thảo Vân	31/03/2006	Nữ	Tày	Thôn Bản Van, xã Hội Hoan, huyện Văn Lãng	C00 (Văn 8,25; Sử 8,75; Địa 9,25): 26,25	27,62	
2	Hoàng Hương Giang	26/07/2006	Nữ	Tày	Thôn Bản Van, xã Hội Hoan, huyện Văn Lãng	C00 (Văn 8,00; Sử 6,50; Địa 8,00): 22,50	25,25	

VI	**Ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý - Mã ngành 7140249**							
1	Hoàng Hà Bảo Trân	08/07/2006	Nữ	Nùng	Thôn Đoàn Kết, xã An Sơn, huyện Văn Quan	C00 (Văn 9,00: Sử 8,25; Địa 9,75): 27,00	28,10	
2	Hoàng Thị Thủy Tiên	27/01/2006	Nữ	Tày	Thôn Bình Độ, xã Hội Hoan, huyện Văn Lãng	C00 (Văn 8,75: Sử 8,75; Địa 9,25): 26,75	27,94	
3	Nông Thị Quỳnh Trang	28/01/2006	Nữ	Nùng	Thôn Bình Độ, Xã Hội Hoan, huyện Văn Lãng	C00 (Văn 7,00: Sử 6,00; Địa 9,50): 22,50	25,25	
4	Hoàng Diệu Linh	11/02/2006	Nữ	Nùng	Thôn Quảng Lộng, xã Gia Miễn, huyện Văn Lãng	C00 (Văn 8,75: Sử 8,50; Địa 9,25): 26,50	27,78	
5	Mông Thị Hồng Ngọc	28/01/2006	Nữ	Nùng	Thôn Bản Kìa, xã Hội Hoan, huyện Văn Lãng	C00 (Văn 6,00: Sử 6,00; Địa 7,50): 19,50	22,25	
6	Hứa Thu Quỳnh	17/05/2006	Nữ	Nùng	Thôn Quảng Sơn, xã Gia Miễn, huyện Văn Lãng	C00 (Văn 7,50: Sử 7,75; Địa 7,75): 23,00	25,56	

VII	**Ngành Sư phạm Lịch sử - Mã ngành 7140218**							
1	Hoàng Thị Khánh Linh	28/02/2006	Nữ	Tày	Thôn Làng Mỏ, xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn	C00 (Văn 8,75: Sử 9,50; Địa 9,50): 27,75	28,57	
VIII	**Ngành Sư phạm Tiếng Anh - Mã ngành 7140231**							
1	Nguyễn Thị Thanh Trúc	22/10/2006	Nữ	Tày	Thôn Nà Pàn, xã Hoa Thám, huyện Bình Gia	D01 (Toán 6,00; Văn 8,75; Anh 6,60): 21,35	24,10	

Ấn định danh sách: 19 học sinh./.